

CHỦ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Nguyễn Thị Chiên
Khoa Lý luận chính trị
Email: chiennt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/3/2022

Ngày PB đánh giá: 05/5/2022

Ngày duyệt đăng: 12/5/2022

TÓM TẮT: Biển đảo là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ Quốc. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và phát triển của đất nước. Do có vị trí quan trọng trên biển Đông nên hai quần đảo này luôn có sự tranh chấp giữa các quốc gia và trở thành một trong những điểm nóng của thế giới trong những năm gần đây. Thông qua những chứng cứ lịch sử về mặt pháp lý như bản đồ, tài liệu văn bản, sắc lệnh, những văn bản nghị quyết của Đảng, nhà nước đã khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa là chủ quyền của Việt Nam. Bảo vệ chủ quyền quốc gia nói chung, chủ quyền biển đảo nói riêng là nhiệm vụ sống còn của dân tộc Việt Nam qua các thời kì lịch sử.

Từ khóa: Chủ quyền, lợi ích, biển Đông, Hoàng Sa, Trường Sa, Việt Nam

VIETNAM'S SOVEREIGNTY AND LEGAL INTERESTS IN THE EAST SEA

ABSTRACT: The sea and islands are a part of the sacred territory of the Fatherland. The two archipelagos of Hoang Sa and Truong Sa belonging to Vietnam's sovereignty have a particularly important role in the cause of rights protection and development of the country. Due to their important position in the East Sea, these two archipelagos are always in dispute between countries and have become one of the world's hot spots in recent years. Through historical and legal evidences such as maps, documents, decrees, documents and resolutions of the Party and State, etc., Hoang Sa and Truong Sa are confirmed as Vietnamese sovereignty. Protecting national sovereignty in general and sovereignty over seas and islands in particular is the vital task of the Vietnamese nation through historical periods.

Keywords: Rights, interests, East Sea, Hoang Sa, Truong Sa, Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biển đảo nước ta có vị trí chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam là quốc gia ven biển, nguồn tài nguyên trên biển là vô tận, vì vậy biển Đông đã trở thành nhân tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc, bảo vệ chủ quyền biển đảo là nhiệm vụ thiêng liêng, cấp thiết của nhân dân ta. Để làm tốt nhiệm vụ trọng đại này, mỗi người Việt Nam phải hiểu thấu đáo về vấn đề tài nguyên và môi trường biển;

về chủ quyền quốc gia đối với các vùng biển đảo; về các hành động tranh chấp chủ quyền trên biển Đông và tham vọng của Trung Quốc, về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước đối với biển đảo nói chung và về biển Đông nói riêng.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi sâu nghiên cứu về vai trò quan trọng và lợi ích của biển Đông đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với lịch sử dân tộc, những minh chứng về xác lập chủ quyền của Việt Nam ở biển Đông. Từ đó giúp chúng ta có cái nhìn khái quát hơn về

vai trò, lợi ích của biển Đông mà quan trọng hơn là nâng cao ý thức và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ Quốc trong tình hình hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của biển đảo Việt Nam trong lịch sử dân tộc

Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km² có liên quan đến 10 nước và vùng lãnh thổ là Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunay, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan. Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực mà còn ở cả châu Á - Thái Bình Dương và châu Mỹ.

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài 3.260 km và hơn 3.000 đảo lớn nhỏ, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là hai quần đảo có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng, là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Từ lâu quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã thuộc lãnh thổ Việt Nam với tên “bãi cát vàng”.

Biển đảo Việt Nam cung cấp nguồn hải sản phong phú, đem lại giá trị xuất khẩu lớn thứ ba trong các ngành kinh tế của đất nước. Tại thềm lục địa, trữ lượng dầu khí vô cùng phong phú. Biển Đông nằm trên đường giao thông huyết mạch nối liền Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, châu Âu, Trung Đông, châu Á. Đây được coi là tuyến đường vận tải nhộn nhịp thứ hai thế giới, mỗi ngày có khoảng 150-200 tàu các loại qua lại ở biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào tuyến đường biển này như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore. “Hơn 90%

lượng hàng hóa của thế giới được thực hiện bằng đường biển và hơn 45% trong số hàng hóa đó phải đi qua biển Đông” [8; 14]. Biển Đông có vai trò vô cùng quan trọng với tất cả các nước trong khu vực về địa chiến lược, an ninh quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế. Với Việt Nam, biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong quá khứ cũng như trong hiện tại.

Biển Đông là nơi cung cấp nguồn tài nguyên quý giá, là cửa ngõ ra vào trực tiếp nguồn hàng hóa với các vùng miền trong cả nước, nhiều khu vực trên thế giới, là nơi trao đổi hội nhập của nhiều nền văn hóa. Biển Đông tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển nền kinh tế mũi nhọn như thủy hải sản, dầu khí, giao thông hàng hải, đóng tàu, du lịch. Ven biển Việt Nam có tiềm năng to lớn về quặng, sa khoáng, titan, thiếc, vàng.. Ngày nay khi giao thương phát triển đặc biệt là trên biển, sự phụ thuộc vào các quốc gia, vào các tuyến đường biển đi qua biển Đông ngày một lớn hơn. Vì sở hữu nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng nên biển Đông luôn có các thế lực bên ngoài nhòm ngó. Vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam hết sức thiêng liêng nhưng cũng rất khó khăn phức tạp và lâu dài.

Theo các qui định của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (viết tắt là UNCLOS) mà Việt Nam là một thành viên, quốc gia ven biển có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên một vùng biển rộng gấp nhiều lần diện tích lãnh thổ đất liền, kiểm soát các tuyến hàng hải, làm chủ các vị trí chiến lược về quốc phòng và nguồn tài nguyên dồi dào của biển Việt Nam. Theo Công ước quốc tế tuyên biên giới biển đảo Việt Nam đã được xác định dựa trên cơ sở hình thành lãnh thổ

quốc gia dân tộc, các đảo, quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Như vậy biên giới biển đảo là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, một bộ phận quan trọng cấu thành biên giới và xác lập chủ quyền lãnh thổ thống nhất của quốc gia dân tộc.

2.2. Quá trình thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông trong lịch sử

2.2.1. Chủ quyền biển đảo Việt Nam thời quân chủ phong kiến

Việt Nam có bờ biển dài, có tới 28/63 tỉnh thành giáp biển vì vậy vấn đề chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn liền với chủ quyền biên giới hải đảo. Trải qua các thời kì phát triển của quốc gia dân tộc, nhân dân Việt Nam đã sớm bám biển để khai thác nguồn lợi từ biển. Từ rất sớm cha ông ta đã có những biện pháp thực thi chủ quyền trên biển, người dân đã khai thác lợi thế giao thông đường biển để mở mang chủ quyền xác lập chủ quyền trên biển Đông. Bắt đầu từ thời nhà Lê, biển Đông đã trở thành chiến lược phát triển của quốc gia Đại Việt. Con đường mở mang bờ cõi xuống phía Nam của dân tộc Việt Nam cũng đồng thời là con đường tiến ra chiếm lĩnh biển, đảo. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong xác lập và thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa.

Từ thế kỉ XVII chúa Nguyễn đã khẳng định chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng việc “thường xuyên phái thủy quân ra hai quần đảo, tiến hành thăm dò, đo đạc đường biển, xây miếu dựng bia, trồng cây làm dấu cho tàu bè qua lại, đo đạc vẽ bản đồ và cứu giúp tàu bị nạn và tổ chức khai thác ở hai quần đảo này. Đội Hoàng Sa và Bắc Hải được thành lập, cấp giấy phép hoạt động ra thu lượm hải sản và đồ vật trên

các tàu mắc cạn ở quần đảo này” [5;149].

Như vậy, trong quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam, các chúa Nguyễn sớm có ý thức khẳng định chủ quyền đối với đảo và quần đảo phía Đông trong đó có Hoàng Sa, Trường Sa. Trước thế kỉ XVII, hai quần đảo này nằm trong vùng biển của vương quốc Chăm pa. Ngay từ khi vào trấn thủ vùng Thuận Quảng, các chúa Nguyễn đã thiết lập quyền kiểm soát và khai thác các nguồn lợi trên hai quần đảo này. Trong phần chú giải tập bản đồ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư do Đỗ Bá vẽ vào giữa thế kỉ XVII đã chép rằng: “bãi cát vàng (tên nôm của quần đảo Hoàng Sa) dài khoảng 400 dặm, rộng 20 dặm. Hàng năm vào tháng cuối đông, chúa Nguyễn cử 18 chiếc thuyền đến đó lấy vàng bạc...”. [6; 29]. Sách Phủ biên tạp lục của nhà sử học Lê Quý Đôn (1726 – 1784) có viết cụ thể hơn: “Trước họ Nguyễn đặt đội Trường Sa lấy người xã Bình An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng hai nhận giấy ra đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, ra biển 3 ngày đêm thì đến đảo ấy đến kì tháng 8 thì về.” [6; 14]. Chính quyền chúa Nguyễn lập ra đội Hoàng Sa làm nhiệm vụ thực thi quyền lợi trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, hai đội này còn làm nhiệm vụ mãi đến giai đoạn sau này.

Trong các nguồn tài liệu của công ty Đông Ấn Hà Lan còn chép rằng: “vào năm 1634 tàu của Hà Lan bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, viên thuyền trưởng cùng 12 thủy thủ đã vào trình báo chúa Nguyễn Phúc Nguyên và cầu xin sự giúp đỡ” [3;5]. Như vậy từ trước đó, các nhà hàng hải Hà Lan khi đến buôn bán ở đây đều biết rõ ràng chủ quyền quần đảo này thuộc về chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Triều Nguyễn có những hành động thiết thực để bảo vệ chủ quyền biển đảo và

lợi ích kinh tế, khi cho phép các tàu nước ngoài đi qua khu vực này. Tàu nước ngoài đến mua bán trao đổi hàng hóa ở đây đều phải nộp thuế hoặc đem đổi chác hàng hóa khác. Để giữ gìn bình yên cho biển cả chống nạn cướp biển, nhà Nguyễn ban bố một loạt các qui chế như “tuần dương chương trình”, “tuần thuyền qui thức” và “tuần dương xử phạt lệ” [8; 15], ra sức xây dựng lực lượng hải quân, khuyến khích đóng tàu thuyền bền chắc để phục vụ công tác chống nạn cướp biển. Đặc biệt dưới thời vua Minh Mệnh đã đích thân chỉ đạo xây dựng kế hoạch đóng tàu thuyền cỡ lớn và cỡ nhỏ để linh hoạt trong những lần tấn công cướp biển. Trong Phủ biên tạp lục có viết: “từ năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đến năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vua Minh Mệnh đã cử tới 30 đợt các quan văn, võ đến vùng Hạ Châu và Tiền Tây Dương học tập chiến thuật đánh thủy của các nước phương Tây trong việc đi biển” [4;15]. Để khẳng định chủ quyền, vua Minh Mệnh còn sai người ra Hoàng Sa dựng miếu, lập bia đá, trồng cây, xây dựng bình phong ở khu vực tòa miếu cổ. Trong các nguồn tư liệu di tích và truyền thuyết ở địa phương còn có miếu Hoàng Sa, những bến bãi đội Hoàng Sa, có những ngôi mộ giả, nghĩa địa giả với những nghi lễ hết sức đặc biệt của làng quê đưa tiễn những người con quả cảm của mình đi làm nhiệm vụ ở Hoàng Sa, Trường Sa nguyện dấn thân vào cõi chết vì một vùng biển thiêng liêng của Tổ Quốc: “Hoàng Sa đi có về không;/ Lệnh vua sai phái quyết lòng ra đi”... Ở đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi còn có câu chuyện Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, kể về những người lính nhận lệnh vua đi Hoàng Sa phải vượt qua rất nhiều gian truân trong thời gian 6 tháng. Vì vậy ngoài lương thực mang đi, mỗi người còn mang theo 1 đôi chiếu, 7 sợi dây mây và 7 cái đòn tre. Nếu có mệnh

hệ nào họ ở biển khơi thì dùng chiếu quấn lấy xác, đòn tre để nẹp và lấy dây mây thả xuống biển. Trên chiếc thẻ tre ghi rõ quê quán, phiên hiệu đơn vị của mình để những người tìm thấy họ biết rõ về tung tích. Điều đó đã thể hiện các thế hệ đã không quản máu xương quyết tâm giữ gìn chủ quyền biển đảo quê hương [7; 25].

Như vậy nhà Nguyễn sớm có ý thức sâu sắc trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo kết hợp hài hòa lợi ích quốc gia và lợi ích chung của khu vực và quốc tế đương thời. Những việc làm trên là lời tuyên bố đanh thép về quyền chiếm hữu thực sự của triều Nguyễn đối với vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

2.2. Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong thời kì chính quyền Pháp quản lý

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Với vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam luôn là thuộc địa quan trọng nhất của Pháp ở châu Á. Sau khi kí hòa ước Patonot năm 1884 với Pháp, triều đình Huế đã đồng ý cho Pháp thay mặt Nhà nước Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại, kí các văn bản ngoại giao và bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Cụ thể như Thỏa ước phân định ranh giới ngày 26 tháng 6 năm 1887 giữa Pháp và Trung Hoa về việc phân định ranh giới giữa Bắc Kì và Trung Hoa, trong đó thể hiện rõ các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về lãnh thổ của nước An Nam; Tuyên bố của toàn quyền Đông Dương ngày 08 tháng 3 năm 1925 về việc hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ của Pháp ở Đông Dương.. Để thực hiện chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các pháo hạm của Pháp thường xuyên tiến hành tuần tiễu trong vùng biển Đông.

Chính phủ Pháp đã cử các đơn vị hải quân lần lượt ra đóng các đảo chính trên quần đảo Trường Sa. Chính phủ Pháp chọn các cơ quan chuyên môn ra nghiên cứu về quần đảo Hoàng Sa, xây dựng đèn biển, lập bãi thủy phi cơ, vẽ bản đồ... nhằm xây dựng quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa thành căn cứ quân sự quan trọng ở biển Đông. Pháp quyết định lập đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1925, viện Hải dương học Nha Trang cử tàu De Lanessan ra khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương học. Năm 1927 ra khảo sát quần đảo Trường Sa. Từ năm 1930 đến năm 1933, chính phủ Pháp đã cử các đơn vị hải quân lần lượt đóng ở các đảo chính trong quần đảo Trường Sa như: Trường Sa, An Bang, nhóm Song Tử gồm Song Tử Đông và Song Tử Tây, đảo Loại Ta và Thị Tứ. Năm 1933, Thống đốc Nam kỳ kí Nghị định sát nhập các đảo Trường Sa, An Bang, nhóm Song Tử, Loại Ta và Thị Tứ vào địa phận tỉnh Bà Rịa. Năm 1938 toàn quyền Đông Dương kí nghị định thành lập đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên. Cũng trong năm này Pháp dựng bia chủ quyền trên 7 đảo lớn của quần đảo Trường Sa, xây dựng đèn biển, trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Itu Aba trong quần đảo Hoàng Sa [9; 3]

Khi các nước khác như Trung Quốc, Nhật Bản có hành động xâm phạm chủ quyền, chính phủ Pháp luôn có hành động quyết liệt để bảo vệ biển đảo. Năm 1931 và năm 1932 Pháp phản đối chính phủ Trung Quốc về việc chính quyền ở Quảng Đông có ý định cho đầu thầu khai thác phân chim trên đảo Hoàng Sa. Năm 1939, Pháp phản đối chính phủ Nhật đặt một số đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc quyền tài phán của Nhật.

Như vậy, trong suốt thời gian đại diện Việt Nam về mặt đối ngoại, Pháp luôn có hành động kiên quyết khẳng định chủ quyền ở Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và phản kháng những hành động xâm phạm chủ quyền của các nước khác tại hai quần đảo này.

2.3. Chủ quyền biển đảo Việt Nam sau năm 1945

Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Theo Hiến pháp năm 1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước độc lập, toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng lợi dụng tình hình phức tạp khó khăn sau cách mạng tháng Tám, quân Trung Hoa dân quốc với danh nghĩa quân Đồng minh làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật đã đưa quân ra chiếm đóng đảo Phú Lâm và Ba Bình trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau khi quay trở lại xâm lược Việt Nam lần 2 (1946), Pháp đã lên tiếng yêu cầu đại diện quân Đồng minh hiện đang đóng ở Việt Nam là quân Trung Hoa dân quốc rút khỏi các đảo của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ đang chiếm đóng trái phép. Ngay sau đó quân đội của Pháp đã đến các đảo thay thế cho quân Trung Hoa dân quốc để xây dựng trạm khí tượng và đài vô tuyến điện tại đây.

Năm 1949 Pháp thành lập Quốc gia Việt Nam mà đứng đầu là Bảo Đại. Sau đó trên danh nghĩa Pháp trao toàn bộ quyền quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho chính quyền Bảo Đại vào ngày 14/10/1950.

Từ khi được bàn giao quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chính quyền Bảo Đại luôn có những hành động kiên quyết nhằm giữ vững chủ quyền biển đảo. Tại hội nghị San Francisco về việc kí hòa

ước với Nhật, trưởng đoàn đại biểu của chính phủ Bảo Đại là Trần Văn Hữu đã tuyên bố về chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. “để dập tắt những mầm mống tranh chấp sau này, chúng tôi tuyên bố về chủ quyền đã có từ lâu đời với hai quần đảo này...” Lời tuyên bố đánh thép của người phát ngôn cho chính quyền Việt Nam cộng hòa đã được 51 quốc gia tham dự ghi nhận.

Từ những năm 1949 đến năm 1954, Việt Nam có hai chính phủ: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng hòa đều có chủ quyền với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thành viên của khối Liên hiệp Pháp được Pháp đại diện để thực thi chủ quyền ở biển Đông. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng là thành viên của khối liên hiệp Pháp, được Pháp chuyển giao chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong thời gian này, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cũng luôn khẳng định chủ quyền tại biển Đông. Một số hành động xâm lấn cho các cư dân đến chiếm một số đảo nhỏ trên đảo Trường Sa, chính quyền Sài Gòn lên tiếng kịch liệt phản đối.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954 Hiệp định Geneva được kí kết, theo Hiệp định Việt Nam bị chia cắt làm 2 miền với hai chế độ chính trị khác nhau lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời, và sẽ được thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử được tiến hành vào năm 1956. Ở miền Nam, Ngô Đình Diệm đã phế truất Bảo Đại, ban hành hiến pháp mới, đổi tên quốc gia Việt Nam thành Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Với Hiệp định Geneva năm 1954, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức quản lý lãnh thổ Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở ra phía Bắc, và Việt Nam

Cộng hòa thay mặt Pháp quản lý lãnh thổ Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam trong đó có 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong suốt thời gian từ năm 1954 đến năm 1973 nhà nước Việt Nam đã quản lý hòa bình, liên tục hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo đúng luật pháp quốc tế. Trong các năm 1956; 1969; 1973 Việt Nam Cộng hòa đã ban hành các sắc lệnh về đơn vị hành chính của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy (ngày nay là tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) và luôn khẳng định lại về chủ quyền của Việt Nam trong các hội nghị quốc tế.

Với vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên dồi dào, nên biển Đông luôn luôn bị nhòm ngó. Năm 1947, chính phủ Trung Hoa dân quốc đưa ra yêu sách chủ quyền trên biển Đông với đường lưỡi bò hay còn gọi là đường 9 đoạn bao trọn 75 % diện tích mặt nước trên biển Đông trong đó có cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1956, Trung Quốc đem quân chiếm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa. Năm 1973 Hiệp định Paris về Việt Nam được kí kết, Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh rút hết quân về nước. Lợi dụng thời điểm chính quyền Việt Nam Cộng hòa rệu rã suy sụp, Trung Quốc đã tấn công quân đội Việt Nam Cộng hòa chiếm đóng trái phép quần đảo Hoàng Sa và một phần phía Tây của quần đảo Trường Sa. Trước tình hình đó chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ra tuyên bố phản đối mạnh mẽ hành động bằng vũ lực của Trung Quốc ở biển Đông. Trên các diễn đàn quốc tế nhà nước Việt Nam công bố sách trắng và những chứng cứ lịch sử pháp lý khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và tuyên bố sẽ tiếp tục đấu tranh

bằng mọi phương pháp để giành lại phần lãnh thổ biển đảo đã bị chiếm đóng.

Ngày 30/4/1975 đất nước được thống nhất, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được chuyển giao cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý. Từ đó đến nay, nhà nước ta tiếp tục duy trì và bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2.4. Chứng cứ lịch sử, pháp lý về quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông

Để khẳng định chủ quyền về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam có đầy đủ các chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để minh chứng.

2.4.1. Bản đồ

Trong nguồn tư liệu khẳng định về chủ quyền của người Việt trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nguồn bản đồ là tin cậy nhất. Các nhà nghiên cứu người nước ngoài và Việt Nam qua các thời kì luôn khẳng định về chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông.

Thứ nhất: nguồn bản đồ do người Việt Nam vẽ và hiện đang được lưu giữ tại Viện bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam và Viện nghiên cứu Hán Nôm Hà Nội, gồm có:

- Sớm nhất là bản đồ An Nam quốc được vẽ từ thời nhà Lê (thế kỉ XV) trong đó vẽ toàn cõi nước ta dưới thời kì trị vì của nhà vua Lê Thánh Tông. Đặc biệt trong 13 thừa tuyên của nước Đại Việt lúc bấy giờ, có thừa tuyên Quảng Nam, ghi chép về các địa danh và vùng biển ngoài khơi trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Như vậy từ rất sớm, nhà Lê đã khẳng định chủ quyền Việt Nam tại hai quần đảo này.

- Bản đồ “Bãi cát vàng” do Đỗ Bá vẽ, được in trong Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư trong đó thể hiện quần đảo Hoàng Sa

và Trường Sa. Đây là nguồn tài liệu đáng tin cậy về chính xác về hình thể, vị trí, của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong đó chỉ đặc tính của quần đảo Hoàng Sa là bãi cát vàng, điều này hoàn toàn phù hợp trong các nguồn tư liệu của chính quyền chúa Nguyễn có mô tả về việc khai thác bãi cát vàng ở biển Đông.

- Thời nhà Nguyễn có thêm Bản đồ “Đại Nam nhất thống toàn đồ” và “An Nam đại quốc họa đồ” được vẽ vào khoảng cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XIX, thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa (được gọi là Vạn lý Hoàng Sa) và quần đảo Trường Sa (được gọi là Vạn lý Trường Sa) ghi rõ vị trí, tên các hòn đảo, tình trạng địa lý của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nguồn tài liệu này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh. “Đó là một chứng cứ hùng hồn và xác thực nhất cho thấy quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, một phần truyền thống của dân tộc” [3; 10]. Một nguồn tư liệu rất quý giá là tập Thiên hạ bản đồ, soạn vẽ ở cuối thế kỉ XVIII nhưng được các sử quan trong Quốc sử quán triều Nguyễn sao lục ở thế kỉ XIX. Trên bản đồ này không chỉ miêu tả các địa danh thuộc từa tuyên tỉnh Quảng Nam, mà còn có cả hình vẽ một hòn đảo ở ngoài khơi ghi tên bằng chữ Nôm: Bãi cát vàng, đó chính là quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Như vậy ở thế kỉ XV, Quảng Nam đã trở thành vùng đất phen dậu của Đại Việt vào thời Lê, là vùng đất quan yếu của chúa Nguyễn và vương triều nhà Nguyễn. Từ địa bàn này, các vương triều phong kiến Việt Nam tiếp tục khai khẩn mở cõi về phương Nam, xác lập chủ quyền đối với các vùng đảo biển đảo ở phía Đông. Từ đó định hình nên lãnh thổ Việt Nam hoàn chỉnh hiện nay.

Đó cũng là lý do tại sao tên gọi Bãi cát vàng, Hoàng Sa luôn xuất hiện trên các bản đồ cổ vẽ về Quảng Nam từ hàng trăm năm trước.

Thứ hai: nguồn bản đồ do người nước ngoài vẽ gồm có:

- Nguồn bản đồ do người Trung Quốc vẽ hiện chúng ta còn lưu giữ có ba tập bản đồ thể hiện khá rõ về chủ quyền lãnh hải và chủ quyền đất liền của Việt Nam.

- + Bản đồ: “Giao chỉ quốc, Giao chỉ dương” (trích từ bản đồ Võ Bị chỉ được vẽ từ khoảng TK XV) ghi rõ bản đồ lớn là Giao chỉ quốc, phía Đông là biển ghi Giao Chỉ dương, thể hiện sự tôn trọng của người Trung Quốc đối với chủ quyền trên lục địa và biển Đông.

- + Bản đồ “Diên cách Việt Nam Đông đô, Việt Nam Tây Đô” được người Trung Quốc vẽ năm 1842 trong đó ghi rõ ngoài khơi Việt Nam Đông Đô (Đàng Ngoài) có Vạn lý Trường Sa (tức Hoàng Sa) và Việt Nam Tây Đô (tức Đàng Trong) có Thiên lý thạch đường (tức Trường Sa).

- + Bản đồ: “An Nam quốc” và “Đông Nam Hải” ghi rõ ranh giới trên biển và đất liền. Trong tập bản đồ này khẳng định về chủ quyền của Việt Nam trên đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Điều đó chứng tỏ rằng ở các thế kỉ XIV- XV, người Trung Quốc đã công nhận chủ quyền của người Việt ở hai quần đảo này.

- Nguồn bản đồ của người phương Tây gồm có:

- + Bản đồ bán đảo Đông Dương của anh em nhà hàng hải Hà Lan Van- Langren (1595) ghi nhận bãi cát nông dài, địa hình miền Trung Việt Nam có Cù Lao Ré thuộc địa phận Quảng Ngãi.

- + Tiêu biểu nhất là bản đồ: An Nam đại quốc họa đồ được in trong cuốn sách Từ

diễn Việt - La tinh của Giám mục Taberd xuất bản năm 1838, hiện lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh. Bản đồ khẳng định bãi Cát vàng (Hoàng Sa) nằm trong vùng biển Việt Nam. Đặc biệt trong phần ghi chú của bản đồ cũng thể hiện rõ kinh độ, vĩ độ điều đó cho thấy sự hiểu biết về Hoàng Sa, Trường Sa tương đối chính xác. Bản đồ do người nước ngoài vẽ nhưng lại có nội dung gần như tương đồng với bản đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ do người Việt Nam vẽ.

Như vậy qua tập bản đồ này xác định từ thế kỉ XIX, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

2.4.2. Một số tài liệu, văn bản pháp lý

Một nguồn tài liệu rất quan trọng khẳng định về chủ quyền biển đảo của Việt Nam là các tài liệu, văn bản pháp lý. Đó là: các nhật kí về hải trình của các hãng vận tải, các đoàn khảo sát, các tài liệu khoa học đã công bố, các tài liệu văn bản được trao đổi giữa các quốc gia có vị trí lãnh thổ ở xung quanh biển Đông...

Một cuốn sách rất quan trọng của người Việt đó là cuốn Phủ biên tạp lục của nhà sử học Lê Quý Đôn ở thế kỉ XVIII mà hiện đang được lưu giữ tại thư viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một sử liệu đầy đủ và chính xác về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó nhà sử học Lê Quý Đôn đã trình bày khá tỉ mỉ về hình thế, trị sở, trạm thuế ...ở Trường Sa và Hoàng Sa. Ngoài ra cuốn Lịch triều Hiến chương loại chí và Hoàng Việt dư địa chí của Phan Huy Chú cũng ghi chép về việc thành lập, hoạt động của các hải đội Hoàng Sa và Trường Sa từ thời chúa Nguyễn khi đi làm nhiệm vụ. Ngoài ra các cuốn sách như Đại Nam nhất thống chí; Đại Nam thực lục

tiền biên và Đại Nam thực lục chính biên của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn cũng là nguồn tài liệu khá đầy đủ minh chứng về chủ quyền của Việt Nam. Trong các nguồn văn bản pháp lý được trao đổi giữa các quốc gia có quyền lợi ở biển Đông như Thỏa ước phân định ranh giới giữa Bắc Kỳ và Trung Hoa ngày 26/6/1887 về việc phân định ranh giới giữa Bắc Kỳ và Trung Hoa trong đó thể hiện rõ các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về lãnh thổ của Việt Nam. Tuyên bố của viên toàn quyền Đông Dương ngày 8/3/1925 về việc hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ của Pháp ở Đông Dương.

Các bản đồ và tài liệu lịch sử nói trên đều còn tồn tại và chứng minh rằng từ thế kỉ XVI, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam và người Việt Nam chính thức thực thi chủ quyền trên các đảo này trong một thời gian dài và là một quá trình liên tục.

Để bảo vệ chủ quyền biển đảo, Đảng và Nhà nước ta cũng ban hành một số chỉ thị nghị quyết, văn bản pháp lý để tuyên bố chủ quyền vùng biển Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các văn kiện, đều phù hợp với hệ thống quốc tế và công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 mà Việt Nam là thành viên.

2.4.3. Một số chủ trương và đối sách của Đảng bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Với vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên dồi dào, nên biển Đông luôn luôn bị nhòm ngó. Theo công ước Liên hợp quốc về Luật biển quốc tế năm 1982, điều 4 ghi rõ: “Quốc gia ven biển có quyền và chủ quyền đối với vùng đặc khu kinh tế rộng tối đa 200 hải lý, đối với tài nguyên thiên nhiên và một số hoạt động kinh tế và

thực hiện quyền tài phán đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường” [1. 2].

Như vậy, tham gia Công ước Luật biển 1982 Việt Nam là quốc gia ven biển, được thừa nhận có vùng lãnh hải rộng 12 hải lý, thềm lục địa rộng 200 hải lý. Công ước đã trở thành cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc, quan trọng, được thừa nhận và luôn là chứng cứ quan trọng trong cuộc đấu tranh cam go, phức tạp để bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa, các quyền lợi ích chính đáng của nước ta trên biển. Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, bên cạnh chứng cứ bảo vệ chủ quyền Việt Nam, công ước là công cụ pháp lý để phản bác những yêu sách phi lý của Trung Quốc về “đường lưỡi bò” chiếm 80% diện tích biển Đông, vốn là vùng biển được bao bọc bởi 9 quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Để khẳng định chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông, Đảng và Nhà nước luôn cung cấp những nguồn thông tin chính thống tin cậy trong việc giải quyết các vụ tranh chấp ở biển Đông nhằm tránh những nguồn thông tin sai lệch, thiếu độ tin cậy và tính chính xác.

Đảng và Nhà nước ban hành một số chỉ thị, nghị quyết, văn bản pháp lý để tuyên bố về chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam nhằm duy trì và bảo vệ chủ quyền vùng biển Việt Nam trên biển Đông và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Văn bản pháp quy đầu tiên là tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12/5/1977 về lãnh hải, vùng biển tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Theo điều 5 của bản Tuyên bố, các đảo và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài lãnh hải

Việt Nam đều có vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng. Như vậy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền và quyền tài phán đối với những khu vực này như các vùng tương ứng nằm trong lãnh hải vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam.

Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam đã quyết định thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai và huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, hiện nay, huyện Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng và huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Đến tháng 4 năm 2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

Xuất phát từ vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, trước những diễn biến phức tạp của tranh chấp tại khu vực biển Đông, Việt Nam đã nhiều lần công bố “Sách trắng” (năm 1979;1981;1988) về chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, khẳng định hai quần đảo là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam, chính phủ Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa phù hợp với các quy định của luật pháp và thực tiễn quốc tế.

Tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ngày 9/2/2007 về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, trong đó nhấn mạnh: “thế kỉ XXI được thế giới xem là thế kỉ đại dương, do đó hoàn thiện các chính sách pháp luật, đồng thời xây dựng và củng cố lực lượng chấp pháp trên biển được xem là nhiệm vụ trọng tâm

của thời kì mới” [1; 2]. Tại Nghị quyết TƯ 4 khóa X về chiến lược biển đến năm 2020 đã xác định quan điểm chung chỉ đạo về chiến lược biển Việt Nam: “ đối với tranh chấp biển Đông, chủ trương nhất quán của Việt Nam là các bên tôn trọng nguyên trạng, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước UNCLOS, nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên.” [1; 3].

Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết tiếp tục khẳng định :”Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu có từ biển, phát triển bền vững thịnh vượng, an ninh và an toàn...” Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII (năm 2011) của Đảng đã xác định kinh tế biển như một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để đưa Việt Nam đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập bình quân cao [10; 344].

Như vậy, những quan điểm, chủ trương nêu trên của Đảng và Nhà nước luôn xác định vấn đề bảo vệ Tổ Quốc bảo vệ biên giới lãnh thổ quốc gia (trong đó có hoạt động tăng cường năng lực thi hành pháp luật trên biển) là nhiệm vụ quan trọng nhất trong chiến lược bảo vệ quốc gia. Khi vấn đề biển Đông đang nóng lên, giải quyết các vấn đề liên quan đến hai nước Việt Nam - Trung Quốc ở vịnh Bắc Bộ, Hoàng Sa, Trường Sa, quan điểm của Đảng ta giải quyết các tranh chấp ở biển Đông thông qua biện pháp hòa bình trên tinh thần hiểu biết tôn trọng lẫn

nhau, tuân thủ luật pháp quốc tế, Công ước Luật biển năm 1982. Mặc dù tình hình trên biển nhiều lúc căng thẳng phức tạp, Việt Nam vẫn luôn đạt được mục tiêu đó là giữ vững chủ quyền biển đảo, đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, không để xảy ra xung đột. Điều đó càng chứng minh chủ trương, đường lối, chính sách giải quyết bất đồng trên biển Đông của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn phù hợp với xu thế chung của thế giới.

3. KẾT LUẬN

Biển đảo ngày càng quan trọng với loài người. Đối với Việt Nam, biển Đông trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo mà cụ thể là ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang đưa ra những tư liệu lịch sử cụ thể rõ ràng, những bằng cứ để khẳng định:

Từ thế kỉ XVII đến nay, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện một cách thực sự, liên tục và hòa bình chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Nhà nước Việt Nam luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Để bảo vệ chủ quyền quốc gia nói chung và chủ quyền biển đảo nói riêng, Việt Nam kiên quyết đấu tranh bảo vệ lãnh thổ, giải quyết các vấn đề tranh chấp trên biển bằng pháp lý, tôn trọng Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc kí năm 2002

nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trên biển. Bảo vệ chủ quyền biển đảo, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao. Để làm tốt điều này, cần tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền đến mọi người dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ học sinh, sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2020), *Nghị quyết số 9- NQ/TW ngày 9/2/2007 về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.
2. *Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982*; Trang thông tin điện tử ngày 4/6/2021.
3. Đặc khảo về Hoàng Sa, Trường sa; Tập san Sứ- địa, số 29-1975
4. *Lê Quý Đôn toàn tập (1977)*; (trong Phủ biên tạp lục) (bản dịch của Viện sử học); NXB Khoa học xã hội Hà Nội. T1.
5. Nguyễn Quang Ngọc (2005) *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB GD Hà Nội.
6. Đặng Kim Phúc (2018): *Hoàng Sa, Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam nhìn từ Công pháp quốc tế*; NXB Tri thức, H.
7. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ - Lê Mỹ Dung- Lưu Hoa Sơn- Nguyễn Thanh Long (2004) (Sưu tầm và biên soạn); *Kể chuyện biển đảo Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội. T2.
8. Trần Công Trục (2012): *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội, tr 14-15.
9. Đinh Công Tuấn: *Những cơ sở lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Trang thông tin điện tử Học viện chính trị Công an nhân dân, ngày 10 tháng 6 năm 2020.
10. Nguyễn Thị Hồng Yến (2011): *Quyền tài phán của quốc gia trên biển*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.